

Số: 1720/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày 16 tháng 8 năm 2016

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/11/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1811/QĐ-BKHĐT ngày 30/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1022/TTr-SKHĐT ngày 29/7/2016,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 210 (hai trăm mười) thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư trên địa bàn tỉnh (theo Danh mục đính kèm): Thủ tục hành chính cấp tỉnh 129 (một trăm hai mươi chín); thủ tục hành chính cấp huyện 60 (sáu mươi); thủ tục hành chính cấp xã 21 (hai mươi một).

**Điều 2.** Giao Sở Tư pháp hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra thực hiện việc niêm yết công khai thủ tục hành chính của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 2145/QĐ-UBND ngày 13/12/2012; số 678/QĐ-UBND ngày 05/4/2013; số 597/QĐ-CTUBND ngày 09/3/2015; số 1142/QĐ-CTUBND ngày 25/6/2015; số 1617/QĐ-UBND ngày 28/8/2015 về việc công bố TTHC mới ban hành, TTHC được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư; mục IV phần I và mục IV phần II Bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 1067/QĐ-CTUBND ngày 09/6/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế

hoạch và Đầu tư, Tư pháp; thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /./

**Nơi nhận:**

- Cục Kiểm soát TTHC-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- UBND các huyện, thành phố (sao gửi UBND các xã, phường, thị trấn);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm tin học và Công báo tỉnh;
- Phòng Nội chính<sup>tháo</sup>;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Minh Quang**

www.LuatVietnam.vn

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA**  
**THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2016*  
*của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên)*

**A. THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA TỈNH: 129 TTHC**

**I. Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp**

**Mục 1. Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp**

1. Số lượng: 27 TTHC

2. Tên từng TTHC:

1	Đăng ký thành lập doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
2	Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
3	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
4	Báo cáo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
5	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
6	Thông báo mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
7	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh
8	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh
9	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng
10	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)
11	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân
12	Bán doanh nghiệp tư nhân
13	Chia doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ

	phần)
14	Tách doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần)
15	Hợp nhất doanh nghiệp
16	Sáp nhập doanh nghiệp
17	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần
18	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
19	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
20	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn
21	Thông báo tạm ngừng kinh doanh
22	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo
23	Giải thể doanh nghiệp
24	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án
25	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh
26	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
27	Hiệu đính, cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp

## **Mục 2. Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu**

1. Số lượng: 05 TTHC

2. Tên từng TTHC:

1	Thành lập Công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập
2	Hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập, hoặc được giao quản lý
3	Chia, tách công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập, hoặc được giao quản lý
4	Tạm ngừng kinh doanh công ty TNHH một thành viên
5	Giải thể công ty TNHH một thành viên

## **II. Lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã**

1. Số lượng: 19 TTHC

2. Tên từng TTHC:



1	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã
2	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
3	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của liên hiệp hợp tác xã.
4	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia
5	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách
6	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất
7	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập
8	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất)
9	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất)
10	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng)
11	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng)
12	Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (Đối với trường hợp liên hiệp hợp tác xã giải thể tự nguyện)
13	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
14	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã
15	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã
16	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
17	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
18	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã)
19	Thay đổi cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã

### III. Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam

#### Mục 1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Số lượng: 25 TTHC

2. Tên từng TTHC:

1	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
---	---

2	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
3	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
4	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).
5	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư
6	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư
7	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
8	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)
9	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
10	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ
11	Chuyển nhượng dự án đầu tư
12	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế
13	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
15	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
16	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
17	Giãn tiến độ đầu tư
18	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư
19	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư
20	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
21	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
22	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương
23	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư

24	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư
25	Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài

#### **IV. Lĩnh vực đấu thầu**

##### **Mục 1. Lựa chọn nhà đầu tư**

1. Số lượng: 16 TTHC

2. Tên từng TTHC:

1	Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu trong lựa chọn nhà đầu tư
2	Phê duyệt danh mục dự án có sử dụng đất cần lựa chọn nhà đầu tư (chỉ áp dụng đối với cấp tỉnh)
3	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển trong lựa chọn Nhà đầu tư
4	Phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư
5	Làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư
6	Sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư
7	Làm rõ hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trong lựa chọn nhà đầu tư
8	Mở thầu trong lựa chọn nhà đầu tư
9	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư
10	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư
11	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư
12	Mời thầu, gửi thư mời thầu trong lựa chọn nhà đầu tư
13	Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong lựa chọn nhà đầu tư
14	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư
15	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư
16	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư

##### **Mục 2. Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)**

1. Số lượng: 12 TTHC

## 2. Tên từng TTHC:

1	Thẩm định và phê duyệt đề xuất các dự án nhóm A, B, C do Bộ, ngành UBND cấp tỉnh lập
2	Thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án
3	Phê duyệt chủ trương sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án
4	Công bố dự án
5	Chuyển đổi hình thức đầu tư đối với các dự án đầu tư bằng vốn đầu tư công
6	Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án của Nhà đầu tư
7	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi
8	Phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi
9	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi
10	Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
11	Điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
12	Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

## Mục 3. Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu

### 1. Số lượng: 21 TTHC

### 2. Tên từng TTHC:

1	Lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ
2	Thủ tục Đăng ký tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
3	Thủ tục Lựa chọn nhà thầu qua mạng
4	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
5	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn
6	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu xây lắp
7	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa
8	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm đối với gói thầu dịch vụ tư vấn
9	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển đối với gói thầu xây lắp và mua sắm hàng hóa



10	Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật
11	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu
12	Thủ tục phê duyệt Danh sách ngắn
13	Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu
14	Thủ tục phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu
15	Thủ tục làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu
16	Sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu
17	Làm rõ hồ sơ dự thầu
18	Mở thầu
19	Gửi thư mời thầu đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn
20	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu
21	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu

**V. Lĩnh vực đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ phi chính phủ nước ngoài**

**Mục 1. Nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài**

1. Số lượng: 04 TTHC

2. Tên từng TTHC:

1	Tiếp nhận dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)
2	Tiếp nhận dự án đầu tư sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN).
3	Tiếp nhận chương trình sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)
4	Tiếp nhận nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) dưới hình thức phi dự án

**B. THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP HUYỆN: 60 TTHC**

**I. Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh**

1. Số lượng: 05 TTHC

2. Tên từng TTHC:

1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
3	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh
4	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

## II. Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hợp tác xã

1. Số lượng: 19 TTHC

2. Tên từng TTHC:

1	Đăng ký hợp tác xã
2	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã
3	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã
4	Đăng ký khi hợp tác xã chia
5	Đăng ký khi hợp tác xã tách
6	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất
7	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập
8	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất)
9	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị mất)
10	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng)
11	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng)
12	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (đối với trường hợp hợp tác xã giải thể tự nguyện)
13	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã
14	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã
15	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã
16	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã
17	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh

	doanh của hợp tác xã
18	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)
19	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã

### III. Lĩnh vực đấu thầu

#### Mục 1. Lựa chọn nhà đầu tư

1. Số lượng: 15 TTHC

2. Tên từng TTHC:

1	Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu trong lựa chọn Nhà đầu tư
2	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển trong lựa chọn Nhà đầu tư
3	Phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn Nhà đầu tư
4	Làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn Nhà đầu tư
5	Sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn Nhà đầu tư
6	Làm rõ hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trong lựa chọn Nhà đầu tư
7	Mở thầu trong lựa chọn Nhà đầu tư
8	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển trong lựa chọn Nhà đầu tư
9	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn Nhà đầu tư
10	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn Nhà đầu tư
11	Mời thầu, gửi thư mời thầu trong lựa chọn Nhà đầu tư
12	Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong lựa chọn Nhà đầu tư
13	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư
14	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn Nhà đầu tư
15	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn Nhà đầu tư

#### Mục 2. Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu

1. Số lượng: 21 TTHC

2. Tên từng TTHC:

1	Lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ
2	Thủ tục Đăng ký tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
3	Thủ tục Lựa chọn nhà thầu qua mạng
4	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
5	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn
6	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu xây lắp
7	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa
8	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm đối với gói thầu dịch vụ tư vấn
9	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển đối với gói thầu xây lắp và mua sắm hàng hóa
10	Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật
11	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu
12	Thủ tục phê duyệt Danh sách ngắn
13	Thủ tục cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu
14	Thủ tục phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu
15	Thủ tục làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu
16	Sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu
17	Làm rõ hồ sơ dự thầu
18	Mở thầu
19	Gửi thư mời thầu đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn
20	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu
21	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu

### **C. THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP XÃ: 21 TTHC**

#### **I. Lĩnh vực đấu thầu**

##### **Mục 1. Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu**

1. Số lượng: 21 TTHC
2. Tên từng TTHC:

1	Lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ
2	Thủ tục Đăng ký tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
3	Thủ tục lựa chọn nhà thầu qua mạng
4	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
5	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn
6	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu xây lắp
7	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa
8	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm đối với gói thầu dịch vụ tư vấn
9	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển đối với gói thầu xây lắp và mua sắm hàng hóa
10	Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật
11	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu
12	Thủ tục phê duyệt danh sách ngắn
13	Thủ tục cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu
14	Thủ tục phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu
15	Thủ tục làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu
16	Sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu
17	Làm rõ hồ sơ dự thầu
18	Mở thầu
19	Gửi thư mời thầu đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn
20	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà thầu
21	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu